

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST

Ngày 17-5-2019

V/v “Tranh chấp ly hôn và nợ chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ninh.

2. Bà Nguyễn Thị Thiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa: Ông Dương Nguyên Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nợ chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị M L, sinh năm: 1968, (vắng mặt),

Địa chỉ: Tổ 09, ấp R A, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN;

- *Bị đơn:* Ông Hồ Văn K A, sinh năm: 1968, (vắng mặt),

Địa chỉ: Tổ 09, ấp R A, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-3-2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Trần Thị M L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Hồ Văn K A tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào ngày 12-12-1986 (al), có tìm hiểu trước, không đăng ký kết hôn. Ngày cưới bên chồng có cho 01 đôi bông tai, nhưng vợ chồng đã bán chỉ phí hết. Cưới xong vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chồng tại Huyện TP, tỉnh AG. Đầu năm 1988 vợ chồng về sống chung với cha mẹ bà tại Ấp R A, xã TĐ, huyện GD. Đến năm 1991 vợ chồng cất nhà ra ở riêng trên đất của cha mẹ bà cho ở đến nay. Thời gian chung sống đến năm 2018 xảy ra mâu thuẫn, do ông K A thường xuyên uống rượu về đập phá đồ đạc trong nhà, chửi mắng, đánh đập vợ con, vợ chồng hay cãi vã gây gổ nhau, bà khuyên ngăn nhưng ông không nghe, mà ngày càng nhiều hơn, đến tháng

12-2018 ông cũng quậy đập phá đồ đạc trong nhà và đánh bà, nên bà đòi ly hôn thì từ đó ông A không về nhà nữa mà ở luôn ngoài ruộng, vì ông có chòi, máy chạy võ lãi, lưới để đánh bắt cá nên ở giữ tài sản, vợ chồng sống ly thân luôn đến nay. Thời gian này vợ chồng có gặp nhau cũng không bàn việc ở lại. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên bà xin ly hôn với ông A.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Hồ T P, sinh ngày 28-01-1988 và Hồ T C, sinh ngày 06-7-1989, hiện 02 cháu đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà tường cấp 4 ngang 5m dài 16m, cất trên đất của cha mẹ bà cho, hiện một mình bà đứng tên giấy đỏ đất, máy chạy võ lãi, lưới bắt cá. Hiện bà giữ nhà, còn lại ông A giữ, vợ chồng tự thỏa thuận, bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng Nông nghiệp GD 100.000.000 đồng và tiền lãi bà đã trả xong ngày 18-4-2019, hiện ông bà không còn nợ ai, nên không yêu cầu giải quyết. Ngày 19-4-2019 bà L có đơn xin giải quyết vắng mặt, do bận công việc. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19-4-2019 bị đơn ông Hồ Văn K A trình bày: Ông và bà A tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào tháng 12-1987, không đăng ký kết hôn. Ngày cưới gia đình ông có cho 01 đôi bông, nhưng vợ chồng đã bán. Cưới xong vợ chồng sống chung nhà cha mẹ ông tại AG, đến năm 1988 về sống bên vợ tại Xã TĐ, huyện GD cho đến nay. Vợ chồng sống đến năm 2018 xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên gây gổ về việc ông ăn nhậu với bạn bè, vợ thường xúc phạm ông. Nay vợ xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn, do vợ chồng không còn tình cảm.

Về con chung: Có 02 con như bà L trình bày, hiện 02 cháu đã trưởng thành tự lao động sinh sống được ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, ông không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng Nông nghiệp GD 100.000.000 đồng và tiền lãi vợ chồng ông đã trả xong ngày 18-4-2019, hiện ông bà không còn nợ ai, nên không yêu cầu giải quyết. Ngày 19-4-2019 ông có đơn xin giải quyết vắng mặt, do bận công việc. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng là bà L, ông A đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bà L, ông A có đơn xin giải quyết vắng mặt do bận công việc, nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà L với ông A là vợ chồng; về con chung: Có 02 con tên Hồ T P, sinh ngày 28-01-1988 và Hồ T C, sinh ngày 06-7-1989, hiện 02 cháu đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết; về tài sản chung: bà L khai có sổ

tài sản, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu. Ông A khai không có, ông bà không yêu cầu nên không giải quyết; về nợ chung: Ông A, bà L khai không có, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị M L và bị đơn anh Hồ Văn K A có đơn xin giải quyết vắng mặt do bận đi làm, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Tòa án đã thụ lý vụ “Tranh chấp Hôn nhân gia đình về ly hôn và nợ chung”. Tuy nhiên hôn nhân của bà L và ông A không đăng ký hôn, nên cần xác định lại quan hệ là “Tranh chấp về nợ chung của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” là phù hợp với quy định tại Khoản 7, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Bà L và ông A cưới nhau vào ngày 12-12-1986 (al), nhằm ngày 11-01-1987, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà L xin ly hôn, ông A đồng ý ly hôn, Tòa án cũng không xem xét mâu thuẫn của ông bà để cho hay không cho ly hôn, mà trường hợp của ông bà chỉ căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà L và ông A là vợ chồng là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Bà L và ông A khai có 02 con chung tên Hồ T P, sinh ngày 28-01-1988 và Hồ T C, sinh ngày 06-7-1989, hiện đang sống chung với bà L, 02 con đều trưởng thành, ông bà không yêu cầu, nên không giải quyết.

[5] *Về tài sản chung*: Ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu, nên không giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Bà L, ông A khai có nợ Ngân hàng Nông nghiệp GD 100.000.000 đồng, ông bà đã bán đất trả hết nợ xong, hiện không còn nợ, ông bà không yêu cầu, nên không giải quyết.

[7] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Bà L phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Tuyên bố*: Không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị M L và ông Hồ Văn K A là vợ chồng .

2. *Về con chung*: Có 02 con tên Hồ T P, sinh ngày 28-01-1988 và Hồ T C, sinh ngày 06-7-1989, hiện đang sống chung với bà L, 02 con đều trưởng thành, tự lao động sinh sống được ông bà không yêu cầu, nên không giải quyết.

3. *Về tài sản chung* : Ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Ông, bà khai không có, không yêu cầu, nên không giải quyết.

5. *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Bà L chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà L đã nộp theo Biên lai thu số 0008906 ngày 18-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- UBND xã TĐ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁM- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ninh

Nguyễn Thị Thiều

Nguyễn Thị An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁM- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thản

Trần Thị Đào

Nguyễn Thị An

